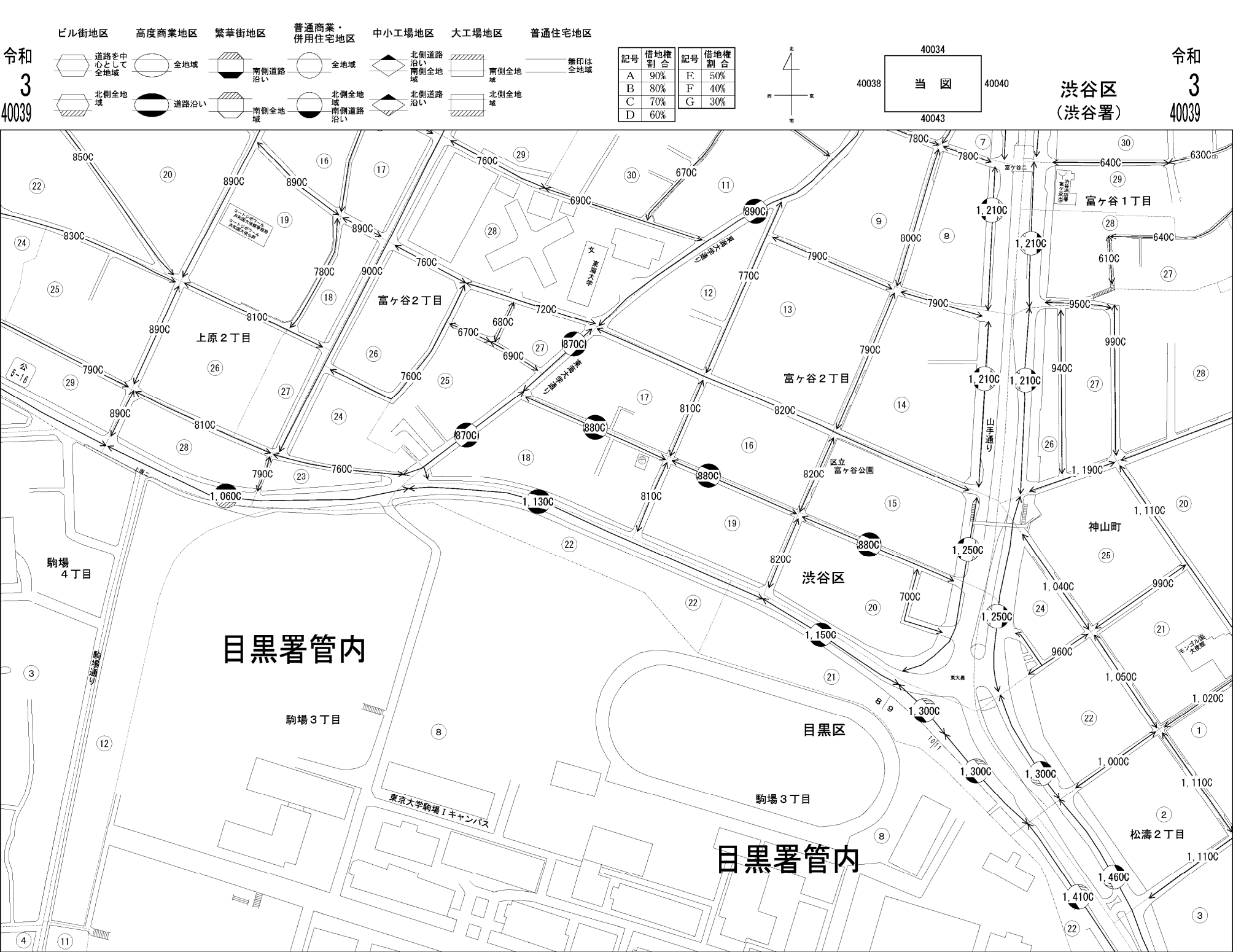
令和
3
40039
ビル街地区
道路を中心として全地域
北側全地域
高度商業地区
全地域
道路沿い
繁華街地区
南側道路沿い
南側全地域
普通商業・併用住宅地区
全地域
北側全地域
南側道路沿い
中小工場地区
北側道路沿い
南側全地域
北側道路沿い
大工場地区
南側全地域
北側全地域
普通住宅地区
無印は全地域
記号 借地権割合
A 90%
B 80%
C 70%
D 60%
記号 借地権割合
E 50%
F 40%
G 30%
北
西
東
南
40034
40038
当 図
40040
40043
渋谷区
（渋谷署）
令和
3
40039
850C
890C
890C
890C
830C
780C
900C
760C
760C
690C
670C
890C
780C
780C
640C
630C
富ヶ谷１丁目
1,210C
640C
610C
800C
790C
770C
790C
950C
990C
940C
1,210C
1,210C
1,210C
790C
890C
810C
760C
720C
680C
670C
690C
870C
880C
810C
820C
820C
880C
880C
820C
810C
1,130C
1,060C
790C
760C
870C
880C
820C
区立
富ヶ谷公園
1,190C
1,110C
神山町
1,250C
1,250C
1,040C
990C
960C
1,050C
1,020C
1,000C
1,110C
1,300C
1,300C
1,300C
1,150C
700C
1,460C
1,410C
1,110C
上原２丁目
富ヶ谷２丁目
富ヶ谷２丁目
渋谷区
駒場
４丁目
駒場３丁目
目黒区
駒場３丁目
松濤２丁目
目黒署管内
目黒署管内
東京大学駒場Ｉキャンパス
東京大学
山手通り
駒場通り
神泉駅
富ヶ谷二
富ヶ谷一
公5-16